

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-01-2022

V/v: Ly hôn giữa chị H và anh Nh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp
2. Ông Nguyễn Văn Kiện

Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Kim H, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố X, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Anh Tô Minh Nh, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Kim H trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2002, chị Huỳnh Kim H và anh Tô Minh Nh quen biết và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong cuộc sống hôn nhân, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến thời gian sau khoảng năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau về tính tình và cách sống. Chị H và anh Nh đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nh và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh Nh có hai con chung tên Tô Huỳnh Mỹ Ph, sinh ngày 10-10-2004 và Tô Huỳnh Thiên M, sinh ngày 10-10-2009, hiện nay các con đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H có đơn xin vắng mặt.

** Bị đơn anh Tô Minh Nh trình bày tại Tòa án và tại phiên tòa:*

Anh Nh thống nhất với lời trình bày của chị H về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có là đúng.

Nay chị H xin ly hôn, anh Nh cũng đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật

Về con chung: Anh Nh đồng ý giao 02 con chung tên Tô Huỳnh Mỹ Ph, sinh ngày 10-10-2004 và Tô Huỳnh Thiên M, sinh ngày 10-10-2009 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 24-12-2021 chị Huỳnh Kim H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Tô Minh Nh. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Huỳnh Kim H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Kim H và anh Tô Minh Nh chung sống với nhau vào năm 2002 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó, không công nhận chị Huỳnh Kim H và anh Tô Minh Nh là vợ chồng là phù hợp pháp luật.

[3] *Về việc nuôi con chung*: Chị Huỳnh Kim H và anh Tô Minh Nh có hai con chung tên Tô Huỳnh Mỹ Ph, sinh ngày 10-10-2004 và Tô Huỳnh Thiên M, sinh ngày 10-10-2009; chị H và anh Nh thống nhất thỏa thuận giao cháu Ph và cháu M cho chị Hía trực tiếp nuôi dưỡng (Phù hợp với nguyện vọng của cháu Ph và cháu M), chị H không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện kinh tế nuôi con được.

Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận nuôi con chung giữa chị H và anh Nh. Chị H không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Huỳnh Kim H và anh Tô Minh Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Huỳnh Kim H là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Kim H và anh Tô Minh Nh.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Huỳnh Kim H và anh Tô Minh Nh về việc giao hai cháu Tô Huỳnh Mỹ Ph, sinh ngày 10-10-2004 và Tô Huỳnh Thiên M, sinh ngày 10-10-2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tô Minh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Kim H và anh Tô Minh Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Kim H phải nộp 300.000 đồng nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000955 ngày 24-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị H không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

5. Quyền kháng cáo: Anh Tô Minh Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Huỳnh Kim H vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Xuân